

KEYNES VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỐNG KHỦNG HOẢNG

Cuộc khủng hoảng nào cũng tạo ra những nhà lãnh đạo tài ba
Xavier Emmanuelli

Lương Thái Bảo¹

Khi khủng hoảng ngày càng lan nhanh và dữ dội hơn, người ta càng so sánh nó với cuộc khủng hoảng 1929. Cũng từ đó chúng ta chứng kiến những tranh luận sôi nổi về vai trò kinh tế học của John Maynard Keynes trên các phương tiện thông tin đại chúng, các diễn đàn học thuật. Cuộc tranh luận về Keynes không phải vô căn cứ. Nó sôi nổi và thú vị không phải vì Keynes được xem là cha đẻ của kinh tế học vĩ mô, mà vì ông là ‘tác giả’ của “New Deal”, một loạt chương trình cải cách đã đưa nước Mỹ ra khỏi Đại Suy Thoái những năm 1930 và đi đến phồn thịnh. Giới học giả hôm nay bàn đến khả năng áp dụng tư tưởng của Keynes cho cuộc khủng hoảng lần này. Mạnh bạo hơn, có người nhắc đến sự “quay lại của Keynes” như một cứu cánh trong việc đưa nền kinh tế thế giới ra khỏi khủng hoảng và như là cơ sở để định hướng lại kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Tuy nhiên, cũng có người lại đặt vấn đề rằng liệu sử dụng các chính sách và công cụ của Keynes có khả thi, có đem lại sự hồi phục hay không; thời gian hồi phục nhanh chóng hay kéo dài; cái giá phải đánh đổi cho sự hồi phục này lớn hay nhỏ, mới chính là yếu tố quyết định mức độ ảnh hưởng trở lại của kinh tế học Keynes.

Tùy theo tình trạng cụ thể của nền kinh tế, phản ứng của công chúng và bối cảnh chính trị tại mỗi nước mà chính phủ các nước công nghiệp phát triển lựa chọn các chiến lược khác nhau. Mặc dù chính phủ mỗi nước có những ưu tiên khác nhau và mức độ thực hiện các biện pháp khác nhau, họ luôn có một điểm chung là lo sợ thất nghiệp, nếu không được kiểm soát² sẽ trở thành thảm họa xã hội, và tiếp đến là chính trị. Nước Mỹ với tư cách là quốc gia có nền kinh tế lớn nhất trên thế giới - với GDP chiếm khoảng 25% GDP toàn cầu³, là nơi khởi nguồn của cuộc khủng hoảng, nơi cấm rề và phát triển mạnh nhất tư tưởng [kinh tế] tân tự do, với sự đề cao vai trò của thị trường và giảm thiểu sự can thiệp của nhà nước - sẽ được chú ý trong bài này.

Bài viết này thảo luận về khả năng ‘hồi sinh’ ở chừng mực nào đó tư tưởng kinh tế học Keynes. Trước hết tác giả sẽ nhắc lại ý tưởng chính của Keynes, qua đó kết nối với các chính sách đang được thực hiện để chống khủng hoảng tại Mỹ, sau cùng sẽ bàn đến giới hạn trong việc áp dụng mô hình Keynes dài hạn từ cuộc khủng hoảng.

¹ Viện Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

² Các nhà kinh tế, dù theo trường phái nào, cũng đều đồng ý việc can thiệp của chính phủ vào thị trường đang khủng hoảng để ngăn chặn sự lan truyền là cần thiết. Nhưng khi lý thuyết kinh tế được chuyển tải thành chính sách trên thực tiễn thì sự đồng nhất là khó có thể đạt được. Ví dụ điển hình là cái nhìn khác nhau giữa Mỹ- Anh, nhấn mạnh vào tăng thâm hụt ngân sách để cứu trợ và tăng chi tiêu, còn Pháp-Đức nhấn mạnh vào cải cách hệ thống tài chính toàn cầu và thận trọng trong tăng thâm hụt ngân sách. Xem thêm Prasad và Sorkin (2009) để rõ hơn sự khác biệt trong chính sách chống khủng hoảng của các nước công nghiệp phát triển.

³ Theo IMF.

Ý tưởng trung tâm trong lý thuyết của Keynes và chính sách đang theo đuổi tại Mỹ

Sự ra đời của “Lý thuyết tổng quát về lao động, lãi suất và tiền tệ” của Keynes, năm 1936 được xem là câu trả lời cho đại suy thoái 1930 – 1933. Keynes tin rằng đây là một lý thuyết hoàn toàn mới về chủ nghĩa tư bản, một lý thuyết phù hợp cho nền kinh tế [đóng] tại cả thời kỳ phồn thịnh lẫn thời kỳ suy thoái. Nói cách khác, Keynes tin rằng trong thời kỳ khủng hoảng, lý thuyết của ông sẽ giúp ngăn chặn suy giảm, làm nền kinh tế hồi phục nhanh hơn, còn trong thời kỳ tăng trưởng mạnh, lý thuyết của ông sẽ giúp tạo ra một hệ thống tư bản phát triển cân bằng và ổn định hơn.

i. Sự kết nối giữa chính phủ và thị trường tự do.

Keynes “xuất chúng” ở chính tính thực dụng của mình trong phân tích kinh tế: không thống nhất với lý thuyết của nhóm Chủ Nghĩa Xã Hội (cho rằng sự ích kỷ và tham lam của con người sẽ dẫn đến bóc lột, bất ổn và khủng hoảng nếu xã hội không được kiểm soát), mà cũng không đi theo thuyết Thị Trường một cách tuyệt đối (cho rằng con người trần trụi, với sự ích kỷ và tham lam, sẽ mang đến phồn vinh và ổn định); Keynes nhất định rằng không nên dựa vào giá trị đạo đức của con người để quản lý kinh tế, mà quản lý kinh tế - xã hội là một vấn đề kỹ thuật (Wolf, 2009). Keynes phát triển lý thuyết của mình, bằng tính *logic*, *kỹ thuật* trên cơ sở kinh tế thị trường, nhưng cũng không vì thế mà tin vào hiệu quả của tự do tuyệt đối (*laissez-faire*). Đối với Keynes, việc kiểm soát, điều phối của chính phủ và [trong] nền kinh tế tư bản là hai điều không những không trái ngược mà cần được đi đôi với nhau.

Người ta tin rằng, với “Lý thuyết tổng quát” Keynes muốn truyền tải không chỉ quan

điểm kinh tế mà còn cả xu hướng chính trị của ông, mà ông đặt tên là “chủ nghĩa xã hội tự do”. Trong lý thuyết của mình, Keynes nhấn mạnh vào sự kiểm soát hay sự điều phối công đối với những khoản đầu tư mới để đảm bảo chúng được tiếp tục tăng với một tỷ lệ vững chắc và dài hạn. Ông cũng cho rằng nhà nước phải kích thích tiêu dùng thông qua chính sách tài khóa hoặc điều chỉnh lãi suất thông qua chính sách tiền tệ.

Tinh thần thực dụng của Keynes, thể hiện qua câu phát biểu “*khi hoàn cảnh thay đổi, tôi thay đổi quan điểm của mình*”, đặc biệt thích hợp để giải thích quan điểm của ông về vai trò của chính phủ trong chống khủng hoảng. Dù Keynes không trực tiếp cụ thể hóa lý thuyết của mình liên quan đến sử dụng chính sách kích thích tài khóa nhưng gợi ý của ông cho phép các chính phủ, dù theo quan điểm thị trường nào, cũng có thể đưa ra được chính sách phù hợp. Các chính phủ có thể trích dẫn Keynes để cho phép họ sử dụng chính sách tài khóa nhằm cải thiện sản lượng, thất nghiệp và đặc biệt là tổng cầu. Keynes cũng được sử dụng làm bình phong cho việc chấp nhận tăng thâm hụt ngân sách và lạm phát trong ngắn hạn, tăng chi tiêu chính phủ và cắt giảm thuế. Tinh thần thực dụng này trên thực tế không bị giới hạn trong việc sử dụng chính sách tài khóa mà còn được mở rộng sang việc kết hợp giữa chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác. Thậm chí, ngay cả những nhà kinh tế hay hoạch định chính sách có tư tưởng khác Keynes, cũng đồng tình và sử dụng (Richman, 2009).

ii. Vai trò của chính phủ trong kích cầu⁴:

Trong lý thuyết của mình, Keynes chủ yếu lập luận với những biến tổng thể để chỉ ra rằng trong các nền kinh tế thị trường có thể tồn tại những “cân bằng khiếm dụng lao động”, có nghĩa là có những thời kỳ “thất nghiệp không

⁴ Kích cầu trong mô hình Keynes là kích thích ba yếu tố tạo nên tổng cầu: tiêu thụ, đầu tư, chi tiêu chính phủ. Nó không có nghĩa là chỉ kích thích tiêu thụ như người ta thường nhầm lẫn (vì ảnh hưởng của kinh tế học vi mô: cho tiêu thụ là cầu, đầu tư là cung).

tự nguyện” kéo dài, dù cho các nền kinh tế này vận hành không bị bất kỳ cản trở nào. Như vậy, trong điều kiện có khủng hoảng, thì tỷ lệ thất nghiệp chắc chắn sẽ còn tăng mạnh thêm nữa. Keynes muốn chữa thất nghiệp kinh niên bằng chi tiêu, đầu tư và tiêu dùng.

Keynes đưa thêm khái niệm “bất trắc” vào phân tích. Khi có bất trắc, người ta phải dự kiến, và trong bối cảnh khủng hoảng thì bất trắc dẫn đến dự kiến thu nhập thấp hơn. Vậy: *“Phương thức chữa trị triệt để duy nhất đối với cuộc khủng hoảng về lòng tin đang ảnh hưởng xấu đến đời sống kinh tế của thế giới hiện nay là làm thế nào để cá nhân không còn lựa chọn nào khác ngoài một trong hai việc: sử dụng thu nhập hoặc để tiêu dùng hoặc để đầu tư sản xuất một thứ tài sản đặc biệt. Dẫu tương lai còn bấp bênh nhưng anh ta có cảm giác đó là một cuộc đầu tư hứa hẹn nhất mà anh ta có thể làm được”*.

Về cơ bản, những gì nước Mỹ đang làm bao gồm hai giải pháp lớn:

i) **Ổn định thị trường tài chính:** quốc hội Mỹ đã thông qua *Chương trình cứu trợ tài sản có vấn đề* trị giá 700 tỷ USD vào tháng 10/2008. Số tiền này sẽ được sử dụng chủ yếu vào việc mua vốn cổ phần tại các ngân hàng và tập đoàn công nghiệp. Tháng 3/2009, cục dự trữ liên bang Mỹ đã quyết định tung ra 1,2 nghìn tỷ USD trong đó 750 tỷ dùng để hỗ trợ Fannie và Freddie Mac. Đến cuối tháng 3/2009 chính phủ Mỹ bổ sung thêm 75-100 tỷ USD trong Public Private Investment Program (PPIP) để phối hợp và hỗ trợ khu vực tư nhân, theo đó, chính phủ sẽ mua lại ‘tài sản xấu’ của các ngân hàng giúp tăng cho vay và bơm thêm vốn cho các ngân hàng lớn⁶.

ii) **Kích cầu:** tháng 2/2008 chính phủ Bush đã thông qua đạo luật kích thích kinh tế bằng việc hoàn thuế cho cá nhân và giảm thuế cho doanh nghiệp trị giá 168 tỷ USD. Kế tiếp, tháng 1/2009 quốc hội Mỹ tiếp tục thông qua luật tài khóa về gói kích thích kinh tế trị giá lên tới 787 tỷ USD, trong đó 2/3 được dùng cho tăng chi tiêu của chính phủ và 1/3 là cho giảm thuế. Phần gói kích thích còn lại của 1,2 nghìn tỷ vào tháng 3/2009 vừa nêu trên dùng để giảm lãi suất cho vay thế chấp và nợ tiêu dùng khác, 300 tỷ USD được dùng để mua trái phiếu dài hạn của chính phủ.

Để thực hiện hai giải pháp này, nhà nước Mỹ đã dùng các chính sách cụ thể sau:

- Chính sách tiền tệ để tăng cung tiền⁷: giảm lãi suất, kết hợp các chính sách của FED và bộ tài chính để hỗ trợ hệ thống ngân hàng và trong trường hợp cần thiết cứu trợ các ngân hàng.
- Tăng đầu tư công để tạo thêm việc làm. Đầu tư công tạo ra hiệu ứng số nhân, cho phép một dự án đầu tư từ chính phủ ngoài việc tạo ra việc làm và thu nhập cho người lao động của chính dự án đó, còn tạo ra việc làm và thu nhập cho những người và doanh nghiệp khác qua tác động lan truyền.
- Điều chỉnh phân phối thu nhập. Hỗ trợ các bang tăng trợ cấp thất nghiệp, tạo điều kiện dễ dàng cho sinh viên vay vốn từ khu vực tư nhân, hỗ trợ bảo hiểm, thuế cho người mua nhà lần đầu.
- Cắt giảm thuế cho tư nhân và doanh nghiệp. Cắt giảm thuế có thể kích thích tổng cầu nếu chính sách cắt giảm ưu tiên những người có khuynh hướng tiêu dùng lớn.

⁵ Troubled Asset Relief Program (TARP).

⁶ Đến cuối tháng 3/2009, chính phủ Mỹ dự tính cho phép chương trình này mua lại tài sản xấu lên đến gần 1 nghìn tỷ USD. Tuy nhiên cuối cùng kế hoạch gia tăng mua này phải hủy bỏ do không nhận được sự đồng tình từ quốc hội.

⁷ Cuối tháng 12/2008, FED thực tế đã giảm lãi suất cơ bản xuống mức thấp lịch sử, từ 0 đến 0,25%. Cùng với nó, FED cũng quyết định mở rộng một chương trình liên quan đến cho vay không theo chuẩn và mua lại chứng khoán.

Giới hạn trong việc áp dụng Keynes

Sự tham gia tích cực và gần như toàn diện của chính phủ làm cho mọi người nhắc lại Keynes và đôi khi kết luận khá “vội vã” vào thời điểm ban đầu của cuộc khủng hoảng rằng “hôm nay tất cả chúng ta đều thuộc trường phái Keynes⁸”. Tuy nhiên, với thời gian trôi qua, và với những biện pháp cụ thể theo diễn biến cuộc khủng hoảng, chúng ta nhận rõ hơn rằng mức độ ảnh hưởng của Keynes trên các giải pháp hiện hành chỉ nằm ở mức độ chung chung, tức thể hiện qua hai ý tưởng chủ đạo: tham gia tích cực của chính phủ và tham gia bằng cách kích thích các yếu tố hình thành nên tổng cầu (chi tiêu chính phủ, tiêu thụ và đầu tư). Đi vào chi tiết, chúng ta có thể nhìn ra hai giới hạn chính.

Giới hạn đầu tiên thuộc về khách quan, nằm ở chỗ áp dụng Keynes không thể hoàn toàn. Trên thực tế, chính sách của Mỹ hiện thời mang tính thực tiễn nhiều hơn là lý thuyết. Keynes chú trọng vào tổng cầu, trong khi đó những gì chính quyền Mỹ đang làm biểu hiện sự đối phó với áp lực sụp đổ của cả hệ thống tài chính nhiều hơn. Rõ ràng, chính phủ, thông qua các gói cứu trợ, kích thích và công cụ tài khóa, đóng vai trò chủ yếu để lấy lại lòng tin của khối doanh nghiệp và người tiêu dùng. Đầu tư công, cắt giảm thuế và trợ cấp tiêu dùng được thực hiện nhằm chống sụt giảm chi tiêu của dân cư và lợi nhuận của khu vực sản xuất. Gói kích thích kinh tế 787 tỷ USD của chính phủ Mỹ rõ ràng nhằm ổn định lại tổng cầu. Tuy nhiên, nếu so sánh tổng số tiền hỗ trợ nền kinh tế thực với số tiền rót vào hệ thống tài chính đang gặp rắc rối thì có thể thấy rằng ưu tiên vẫn nghiêng về phía đảm bảo sự ổn định của khu vực tài chính hơn là khu vực thực. Ở đây quan điểm ưu tiên tổng cầu dường như đã không còn đúng trong bối cảnh sự ổn định của hệ thống tài chính đã quá quan trọng đối với nền kinh

tế Mỹ. Ngoài ra, việc ưu tiên cho hệ thống tài chính của chính phủ Mỹ cho thấy quan điểm tăng tổng cầu qua tăng thu nhập của Keynes chỉ là một lựa chọn trong danh sách các lựa chọn mà người ta có thể sử dụng.

Giới hạn thứ hai, chính sách kích cầu của chính phủ theo gợi ý của Keynes không dễ thực hiện vì hai rào cản chính.

Rào cản thứ nhất là vấn đề hiệu quả của gói kích thích. Trước hết, gói kích thích kinh tế phải trả lời các câu hỏi: chi tiêu cho ngành (nhóm) nào? bao nhiêu? với những điều kiện nào? và phải cân trọng với những khoản chi tiêu tới đâu khi trên thực tế chính sách của chính phủ tác động lên việc làm, sản lượng và giá phải mất một thời gian mới có thể nhìn thấy được hiệu quả. Cũng vậy, chương trình kích thích kinh tế với trọng tâm được đặt vào tăng chi tiêu cho chăm sóc sức khỏe, năng lượng/môi trường, cơ sở hạ tầng và giáo dục là một chương trình đầu tư dài hạn, không thể có ngay kết quả trong một sớm một chiều. Không dễ để có câu trả lời chính xác, cụ thể cho những câu hỏi này vì chúng hiện vẫn là đối tượng của tranh luận.

Cùng theo đó, không có gì chắc chắn là chi tiêu chính phủ sẽ mang lại kết quả mong đợi. Vài nghiên cứu hàn lâm gần đây đưa ra kết quả trái ngược nhau về tác động của chi tiêu chính phủ. Ramey (2008) chỉ ra sự khác biệt trong kết quả nghiên cứu giữa mô hình lý thuyết của các trường phái kinh tế. Chỉ trong khuôn khổ các mô hình Keynes mới (New Keynesian), với các điều kiện đặc biệt, thì người ta mới có thể giải thích việc tăng chi tiêu của chính phủ giúp tăng tiêu dùng và tiền lương thực tế. Khi Ramey sử dụng một mô hình theo khuôn khổ của Tân Cổ điển (New Classical), thay yếu tố chi tiêu cho quốc phòng vào tổng chi tiêu, thì hiệu ứng Keynes lên tiêu dùng và tiền lương thực tế biến mất. Những

⁸ Bản dịch tiếng Pháp của Wolf (2009): «A présent nous sommes tous keynesiens» trên báo Le Monde ngày 06/01/09.

khoản chi tiêu phi quốc phòng của ngân sách bang và địa phương cho các ngành như giáo dục sẽ mang lại hiệu quả trong dài hạn, nhưng lúc này sẽ có ít khả năng tăng đầu tư và sản lượng trong ngắn hạn.

Cũng vậy, trên phương diện thuế, Romer và Romer (2007) chỉ ra rằng thay đổi thuế có tác động lớn lên sản lượng, giảm 1% thuế trên GDP sẽ giúp làm tăng GDP lên gần 3% cho ba năm sau đó. Điều này có thể được giải thích bằng việc đầu tư tăng đáng kể khi thuế giảm. Tuy Christina Romer⁹ có thừa nhận rằng việc ước lượng hiệu ứng số nhân Keynes khi giảm thuế là khó và luôn có tính bất trắc về mặt ước lượng, nhưng bà tin tưởng rằng hiệu ứng số nhân Keynes từ các ước lượng khác nhau có nhiều khả năng cho kết quả lớn tương đương tính toán của bà. Bà phủ nhận quan điểm của nhiều người cho rằng chính sách tài khóa sẽ có ít hiệu quả khi thị trường tài chính vận hành kém, bởi trì trệ và bất ổn khiến ngân hàng không cho vay được. Christina Romer tin tưởng mạnh mẽ rằng chính sách tài khóa mở rộng sẽ giúp tăng việc làm, tăng chi tiêu, vỡ nợ giảm và giá của tài sản [tài chính] có thể sẽ tăng. Cơ chế này sẽ giúp khu vực sản xuất (tức khu vực kinh tế thực) hồi phục và tiếp đến là kéo khu vực tài chính hồi phục theo một cách bền vững. Câu hỏi đặt ra ở đây là việc đặt trọng tâm vào tổng cầu trong khi có quá nhiều khả năng bất trắc xảy ra liệu có giúp ích nền kinh tế hồi phục như mong muốn? Ngay cả khi niềm tin của hộ gia đình và doanh nghiệp được khôi phục thì cơ chế truyền dẫn từ khu vực thực sang hệ thống tài chính cũng đòi hỏi một thời gian không phải nhỏ.

Rào cản thứ hai là tính khả thi, được thể hiện cụ thể qua vấn đề thâm hụt ngân sách. Với vị trí tài chính và tài khóa hiện tại của chính phủ Mỹ, lo ngại về gia tăng thâm hụt ngân sách là có cơ sở. Keynes cho rằng sử dụng thâm hụt ngân sách thông qua tăng chi tiêu công, giảm

thuế, và chuyển nhượng thu nhập để chống khủng hoảng là lựa chọn đúng, nhưng chỉ đúng khi những thâm hụt đó là tạm thời và phải được cắt giảm ngay khi nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi. Thâm hụt ngân sách của Mỹ trong thời kỳ hậu chiến tranh thế giới thứ 2 có những tính chất bền vững (Payne và Hohamadi, 2006), trong khi đó, tương lai của thâm hụt ngân sách lần này cần phải được đặt câu hỏi. Trong nhiệm kỳ của chính quyền Bush, ngân sách Mỹ luôn thâm hụt. Năm 2007 mức thâm hụt là 1,2% trên GDP. Theo Kế hoạch ngân sách năm 2009 của chính phủ Mỹ¹⁰, ước tính mức thâm hụt hai năm 2008 và 2009 là 2,9% và 2,7% trên GDP. Dự báo mức thâm hụt giảm dần cho các năm tiếp theo để thặng dư vào năm 2012 (0,3% trên GDP) khó có thể xảy ra khi gần đây tổng thống Obama tuyên bố mục tiêu của chính phủ ông là chỉ giảm 50% mức thâm hụt trong 5 năm tới. Tuy nhiên với chương trình cứu trợ ngân hàng và kích thích kinh tế vừa qua thì thâm hụt ngân sách hiện thời đang đến mức báo động: 1,84 ngàn tỷ USD, tức khoảng 13% tổng sản lượng quốc gia theo nhiều tổ chức. Để tài trợ cho tăng thâm hụt ngân sách thì nợ của chính phủ phải tăng lên. Đến thời điểm tháng 6/2009 thì tổng nợ của nước Mỹ đã lên tới 11,38 ngàn tỷ USD, tức hơn 80% GDP. Nếu không có tăng trưởng kinh tế đủ lớn – điều khó có thể xảy ra trong tương lai gần – thì nợ của chính phủ sẽ biến thành vấn đề cơ cấu, có nguy cơ làm kinh tế rơi vào trì trệ.

Việc tiền tệ hóa nợ chính phủ như FED đang tiến hành sẽ gây ra hệ quả đáng lo ngại. Trước hết, nếu thị trường và công chúng tin rằng chính phủ sẽ làm mọi cách để giảm thâm hụt ngân sách ngay khi có thể mà không thông qua cắt giảm chi tiêu và tăng thuế, thì họ sẽ dự đoán rằng biện pháp lâu dài sẽ được sử dụng là chính phủ in tiền để trả nợ. Điều này sẽ dẫn đến *dự kiến lạm phát* xảy ra, và theo đó làm tăng lãi suất dài hạn, cũng có nghĩa sẽ làm tăng chi phí các khoản nợ công và tư, với hệ quả là

⁹ Chủ tịch hội đồng cố vấn kinh tế trong chính quyền Obama, đồng tác giả của Romer và Romer (2007).

¹⁰ Historical Tables, Budget of the US Government, Fiscal Year 2009: <http://www.gpoaccess.gov/usbudget/fy09/browse.html>

làm giảm cầu. Còn ngược lại, nếu cuối cùng chính phủ bắt buộc phải tăng thuế, thì hệ quả là chính phủ Mỹ sẽ gặp khó khăn nhiều hơn khi bán các khoản nợ mới trên thị trường. Vậy đây là một ngân sách bị "trói chân", nó khó có thể là một ngân sách hy vọng mang lại cho chính phủ khả năng tăng ảnh hưởng lên thị trường.

* * *

Chính sách chống khủng hoảng của Mỹ, và nhiều nước công nghiệp phát triển nói chung đã sử dụng nhiều ý tưởng của Keynes. Điều đó nảy sinh nhiều bàn luận về sự phục hồi trường phái Keynes được xem như chính sách kinh tế chủ đạo trong thập niên sắp tới. Tuy nhiên, nhìn kỹ lại, chúng ta thấy mức độ áp dụng Keynes

không hoàn toàn rập khuôn. Vì lý do cấp thiết của hoàn cảnh, chính phủ Mỹ hiện nay dường như ưu tiên bơm tiền vào cứu thị trường tài chính để tránh hoảng loạn, rút tiền hàng loạt khỏi ngân hàng nhiều hơn là kích thích nền kinh tế thực. Ngoài ra, áp dụng chính sách Keynes trong lúc này cũng bị giới hạn. Tăng chi tiêu chính phủ, giảm thuế trong trường hợp kinh tế suy thoái càng làm nợ chính phủ trở thành gánh nặng. Điều này đặt cho chính phủ Mỹ cũng như các nước một thách thức mới: làm sao để giảm hỗ trợ của chính phủ đúng liều lượng và đúng thời điểm để tránh tình trạng biến nợ thành một yếu tố cơ cấu trong kinh tế, vì ngày nay không còn ai ngây thơ nghĩ rằng chi tiêu công là một chính sách có thể được áp dụng vô thời hạn.

Tài liệu tham khảo

- KEYNES, John M. (1953), *The General Theory of Employment, Interest, and Money*, Harcourt Brace Jovanovich, Inc.
- KRUGMAN, Paul (2008) *How close are we to a liquidity trap*, NY Times, 3/2008.
- PAYNE, James E. and H. Mohammadi (2006) *Are Adjustment in the U.S. Budget Deficit Asymmetric? Another Look at Sustainability*, Atlantic Economic Journal, 34:15-22.
- PRASAD, Eswar and I. SORKIN (2009) *Assessing the G-20 Economic Stimulus Plans: A Deeper Look*, the Brookings Institution.
- RAMEY, Valerie A. (2008) *Identifying Government Spending Shocks: It's All in the Timing*. <http://econ.Ucsd.edu/~vramey/research.html>
- RICHMAN, Sheldon (2009) *Keynesian Cons*, <http://www.amconmag.com>, 4/2009.
- ROMER, David. and C. ROMER (2007) *The Macroeconomic Effects of Tax Changes: Estimates Based on a New Measure of Fiscal Shocks*, NBER wp No. 13264.
- WOLF, Martin (2009) *Keynes offers us the best way to think about the financial crisis*, Financial Times (FT.com), 12/2008.